



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/12

## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

### Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	CN Supplement
Số Danh Mục	NCM4008

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hoá chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Được thiết kế để sử dụng trong phần tích thông thường, bao gồm kiểm soát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Leshner Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoa Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

#### Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Neogen Corporation 740 East Shiawassee Lansing, MI 48912 U.S.A.  Neogen Corporation 1 Quest Park-Moss Hall Road Heywood Lancashire BL97JJ UK.
--	--

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hoá chất hoặc hỗn hợp


2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Acute Tox. 4: H302; Skin Irrit. 2: H315; Skin Sens. 1: H317; Eye Dám. 1: H318; Resp. Sens. 1: H334; STOT SE 3: H335; STOT RE 2: H373; Aquatic Acute 1: H400;
------------------------------------	--

#### 2.2 Các yếu tố nhãn

## CN Supplement

Phiên bản 2  
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	<p>Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt.</p> <p>Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da.</p> <p>Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.</p> <p>Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.</p> <p>Resp. Sens. 1: H334 - Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.</p> <p>STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp.</p> <p>STOT RE 2: H373 - Có thể gây thiệt hại cho cơ quan kéo dài hoặc tiếp xúc lặp đi lặp lại (đường tiêu hóa), (bằng cách uống).</p> <p>Aquatic Acute 1: H400 - Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	<p>P260 - Không được hít bụi / khói / sương mù / hơi / phun</p> <p>P264 - Rửa thật kỹ sâu khi xử lý .</p> <p>P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.</p> <p>P272 - Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc</p> <p>P273 - Tránh thải ra môi trường</p> <p>P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.</p> <p>P284 - [Trong trường hợp thông gió không đầy đủ] mặc bảo vệ hô hấp.</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	<p>P301+P312 - Nếu NUỐT: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.</p> <p>P302+P352 - Nếu ON DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.</p> <p>P304+P340 - NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.</p> <p>P305+P351+P338 - Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa.</p> <p>P330 - Súc miệng.</p> <p>P342+P311 -Nếu có các triệu chứng hô hấp: Gọi một trung tâm giải độc hoặc bác sĩ / bác sĩ. .</p>
Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ	P403+P233 - Lưu trữ trong một môi trường thông thoáng. Giữ bảo bì kín.
Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	---------------------------------------

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

## 3.2 Hỗn hợp

## CN Supplement

Phiên bản 2  
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 3.2 Hỗn hợp

## EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Hexadecyltrimethylammonium bromide		57-09-0	200-311-3		80 - 90%	Acute Tox. 4: H302; Skin Irrit. 2: H315; Eye Dám. 1: H318; STOT SE 3: H335; STOT RE 2: H373; Aquatic Acute 1: H400;
Natriđixic acid sodiđum salt		3374-05-8	222-159-7		1 - 10%	Acute Tox. 4: H302; Skin Sens. 1: H317; Resp. Sens. 1: H334;

## Hình thề

Nồng độ đợc liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.

## Thông tin khác

Toàn văn Tuyên bố về mối nguy đợc liệt kê trong Phần này đợc cung cấp trong Phần 16.

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

## 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khđ hít phải:	Đi chuyền người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sâu khđ tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên đợc loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khđ đợc trung tẩm kiểm soát chất đợc hoặc bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo gờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Đợc tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

## 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khđ hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sâu khđ tiếp xúc với mắt	Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây viêm da.
Nếu nuốt phải:	Có hại nếu nuốt. Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn. Có thể gây kích ứng niêm mạc miệng.

## 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyền đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ đợc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đưng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

## 5.1 Các phương tiện chữa cháy

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xungquanh.

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Chất kích thích. Tránh hình thành bụi. Rất đợc hại đợi sống thủy sinh. Không cho phép sản phẩm không phải loãng đợc xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải. Tránh xả hồ, ao, hoặc sủi.

## 5.3 Lợi khuyền dành cho lính cứu hỏa

## CN Supplement

Phiên bản 2  
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hoá học.

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

## 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Tránh hình thành bụi. Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

## 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

## 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

## 6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

## 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

## 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 8 ° C.  
 Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ẩm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## 7.3 Sử dụng cụ thè

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

## 8.1 Các thông số kiểm soát

DNEL: Xuất phát mức độ không có hiệu lực.

## Mô hình tiếp xúc - Công nhân





Hexadecyltrimethylammonium bromide	Hít phải cấp tính - Tác dụng tại chỗ	0.05 mg/m <sup>3</sup>
	Viem da cấp tính - Tác dụng toàn thân	0.4 mg/kg

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

## CN Supplement

Phiên bản 2  
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

	   
8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.
--	---

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

## 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Viên
Màu sắc	màu trắng
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	≈ 5 - 7
Điểm chớp cháy/điểm	≈ 244 °C
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

## 9.2 Các dữ liệu khác

## CN Supplement

Phiên bản 2  
 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không áp dụng được

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

## 10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

## 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

## 10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh ẩm.
--	-----------

## 10.5 Các vật liệu xung khắc

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

## Phần 11. Thông tin độc học

## 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ngộ độc cấp tính	Có hại nếu nuốt phải.
Ăn mòn / kích ứng da	Gây kích ứng da. Có thể gây viêm da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng. Gây viêm nặng và có thể làm hỏng giác mạc.
Nhạy cảm	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm. Có thể gây mẫn cảm khi hít phải và tiếp xúc với da.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyên khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.

## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Phơi nhiễm có thể gây thiệt hại cho các cơ quan (oral, gastrointestinal tract).
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

## 11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

## 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

## 11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

## 11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.6. Tiềm chí phân loại

	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hoà toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	---

## 11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sử dụng tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sử dụng hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

## 11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và gây lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

## 11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 11.1.11. Thiểu dữ liệu cụ thể

	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
--	---

## 11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

## 11.1.13. Thông tin khác

	Không có thông tin.
--	---------------------

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

## 12.1 Độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

## 12.2 Tính bền vững và phân hủy

	Không có thông tin.
--	---------------------

## 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

	Không có thông tin.
--	---------------------

## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

## 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

## 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Rất độc cho sinh vật dưới nước. Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

## Thông tin khác

Tránh xả hồ, ao, hoặc suối.

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

## 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

## Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.  
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

## Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

## Hình đồ cảnh báo nguy cơ



## 14.1 Số UN

UN3077

## 14.2 Tên vận chuyển thích hợp

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (Cetrimonium bromide)

## 14.3 Hạng

ADR/RID	9
Rủi ro phụ	-
IMDG	9
Rủi ro phụ	-
IATA	9
Rủi ro phụ	-

## 14.4 Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói III



## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 14.5 môi trường độc hại

Mối nguy hiểm môi trường	Yes
ô nhiễm môi trường biển	Yes

## ADR/RID

ID nguy hiểm	90
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	(E)

## IMDG

EmS	F-A S-F
-----	---------

## IATA

Hướng dẫn đóng gói (chờ hàng)	956
Số lượng tối đa	400 kg
Hướng dẫn đóng gói (Hành khách)	956
Số lượng tối đa	400 kg

## Phần 15. Thông tin pháp luật

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phá biệt:	<p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): H12.</p> <p>Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng.</p> <p>Nghị định thư Montréal: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Công ước Rotterdam: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Công ước Stockholm: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>--Asiã và các quốc gia ASEAN--.</p> <p>Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phần phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): [Hexadecyltrimethylammonium bromide, CAS No. 57-09-0]. Giám sát loại II, số 51 [Hexadecyltrimethylammonium bromide, CAS No. 57-09-0].</p> <p>Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên</p>

## CN Supplement

Phiên bản 2

y tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): 2000-1-509 [Hexadecyltrimethylammonium bromide, CAS No. 57-09-0].

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Class 9.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.

Phụ lục XVII cho REACH: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố, Không hạn chế.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.

--Bắc Mỹ--.

Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.

Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Quyền được biết của Pennsylvania: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh chung về quyền được biết của Rhode Island: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Dự luật 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.

## Phần 16. Các thông tin khác

## Các thông tin khác

## Phiên bản

Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.

- 1 - Hình ảnh.
- 2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác.

## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## Các thông tin khác

<p><b>Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn</b></p>	<p>4 - Sầu khi tiếp xúc với mắt.  4 - Trong trường hợp tiếp xúc với da.  4 - Nếu nuốt phải:  5 - 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp.  7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào.  8 - 8.1 Các thông số kiểm soát.  11 - Ngộ độc cấp tính.  11 - Ăn mòn / kích ứng da.  11 - Nhạy cảm.  11 - Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng.  11 - Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần.  12 - 12.1 Độc tính.  12 - 12.6 Các ảnh hưởng có hại khác.  15 - Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết:</p> <hr/> <p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).  CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.  LỚP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mãlaysia).  FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.  GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu.  HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).  IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.  ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.  IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.  LD: Liệu gây tử vong.  OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.  OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.  PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.  REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất.  STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.  SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.  DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.  VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.  WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
<p><b>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</b></p>	<p>Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt.  Skin Irrit. 2: H315 - Gây kích ứng da.  Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.  STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp.  STOT RE 2: H373 - Có thể gây thiệt hại cho cơ quan kéo dài hoặc tiếp xúc lặp đi lặp lại .  Aquatic Acute 1: H400 - Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.  Skin Sens. 1: H317 - Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da  Resp. Sens. 1: H334 - Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.</p>

## Thông tin khác

	<p><b>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:</b> Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX</p>
--	--

## CN Supplement

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2022-09-16

## Thông tin khác

RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.